

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 10-8-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Hàng Ái Phụng**

Ông **Phạm Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Khánh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 16/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 04/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố KH, thị trấn KH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Tuyền, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 46/23 đường M, khu phố KT, thị trấn KH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

- Người làm chứng: Ông Trần Việt H – sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 46/23 đường M, khu phố KT, thị trấn KH, huyện NH, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày: Khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến năm 2018 bà Hồ Thị T có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là 20.000.000đồng, bà T có xác nhận vào “Giấy mượn tiền” do bà giữ, giấy này không thỏa thuận lãi nhưng bà T hứa khi nào bán đất thì trả gốc rồi tính lãi luôn cho bà. Từ năm 2018 đến nay bà nhiều lần yêu cầu bà Tuyền trả số tiền nợ 20.000.000đồng nhưng bà T không trả

mà cứ hẹn, bà biết bà T cũng đã bán đất xong nhưng không trả tiền cho bà. Bà đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án huyện NH nhưng vì vợ chồng bà T đã năn nỉ sẽ trả nợ nên bà rút đơn lại để cho vợ chồng bà T trả dần, lúc đó bà chưa đóng tám ứng án phí. Sau đó bà T chỉ trả được số tiền rất ít theo hình thức trả dần mỗi ngày 50.000đồng được ít ngày thì không trả nữa cho đến nay. Khi trả nợ bà T bắt bà phải ký sổ cho bà T, sổ này do bà T giữ nên bà không nhớ bà T trả được bao nhiêu ngày, chỉ nhớ trả được khoảng 1-2 tuần thì không trả còn thách thức bà khởi kiện. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ 20.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bà thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 18.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 15.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hồ Thị T trình bày: Bà xác nhận trong năm 2018 có nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị U với tổng số tiền 20.000.000đồng như bà U trình bày là đúng nhưng bà đã trả lãi cho bà U theo thỏa thuận 200.000đồng/ngày trong thời gian từ năm 2018 đến khi xảy ra dịch Covid 19 thì không có tiền trả lãi và xin được trả dần tiền gốc mỗi ngày là 50.000đồng. Sau đó bà trả được một thời gian đến tết năm 2021 với số tiền hơn 10 triệu đồng thì không trả nữa do thấy trước đây bà U ăn lãi quá nhiều. Bà không đồng ý trả nợ cho bà U. Bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cũng không có mặt để đối chất, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Trần Việt H trình bày: Ông biết bà T nợ bà U 20.000.000đồng nhưng đã trả lãi 200.000đồng/ngày trong thời gian dài, khi ông phát hiện thì không cho vợ trả lãi nữa. Ông được biết vợ ông là bà T đã trả gần hết nợ cho bà U và việc trả nợ này có ghi sổ. Quá trình Tòa án giải quyết ông H không cung cấp chứng cứ gì, cũng không có mặt để tham gia đối chất và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Tuyên trả số tiền nợ 15.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi; bị đơn vắng mặt không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người làm chứng không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T phải trả cho bà U số tiền 15.000.000 đồng.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị U yêu cầu bà Hồ Thị T phải trả cho bà số tiền nợ vay là 15.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Ninh Hải. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn bà Hồ Thị T và người làm chứng ông Trần Việt H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U chỉ yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị T trả cho bà 15.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi. HĐXX xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 của BLTTDS chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Căn cứ vào “*Giấy mượn tiền*” (BL 02) do nguyên đơn cung cấp cho thấy bà Hồ Thị T có nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị U vào khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến năm 2018. Cụ thể:

- Ngày 01/11 âm lịch (không ghi năm) mượn 5.000.000đồng, bà T có ký tên.

- Ngày 15/12/2017 âm lịch ghi nội dung bà T mượn 5.000.000đồng, nội dung này bà T không ký

- Ngày 10/01/2018 âm lịch ghi nội dung “Tôi Hồ Thị T ở khu phố KT có mượn của chị U số tiền 5.000.000đồng”, bà T có ký người nhận tiền.

- Nội dung “Hồ Thị T có mượn 3.000.000đồng” bà T có ký người nhận (không ghi ngày tháng năm).

- Ngày 11/3/2018 âm lịch ghi nội dung T có mượn thêm 2.000.000đồng, nội dung này bà T có ký nhận.

Tổng số tiền là 20.000.000đồng.

Như vậy, theo nội dung giấy mượn tiền thì bà U đã cho bà T mượn số tiền là 20.000.000đồng. Các đương sự trình bày việc vay mượn tiền là có lãi và lãi suất thỏa thuận bằng lời nói nhưng không thống nhất được mức lãi suất và không có chứng cứ chứng minh về lãi suất, về việc trả lãi nên xác định việc mượn tiền của bà T với bà U được xem là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi.

Bị đơn và nguyên đơn đều thống nhất về số tiền mượn chót năm 2018 là 20.000.000đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.3]. Đối với phần tiền nợ lãi bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi 200.000 đồng/ngày cho số tiền nợ 20.000.000đồng trong thời gian dài, nguyên đơn trình bày không nhận được lãi từ bị đơn, bị đơn không có chứng cứ

chứng minh cho việc trả lãi cũng không có yêu cầu tính lại về lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Bị đơn cũng trình bày đã trả gốc cho nguyên đơn gần hết, nguyên đơn chỉ thừa nhận bị đơn đã trả được ít và tự trừ cho bị đơn 5.000.000đồng. Người làm chứng và nguyên đơn đều trình bày bị đơn trả tiền cho nguyên đơn có ghi sổ theo dõi do bị đơn giữ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định đối chất và quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là sổ theo dõi ghi nội dung trả nợ cho bà Út nhưng bị đơn, người làm chứng không có mặt để đối chất, không cung cấp chứng cứ. Nguyên đơn đã tự nguyện trừ cho bị đơn số tiền nợ là 5.000.000đồng, số tiền nợ còn lại là 15.000.000đồng buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

Như vậy, căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự, HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U đối với bị đơn bà Hồ Thị T.

Buộc bà Hồ Thị T có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền nợ là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2023). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi Cục THA huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

